

# **Bức tranh kinh tế thế giới và Việt Nam 2025-2026 : Cơ hội, thách thức và giải pháp đối với doanh nghiệp Việt**

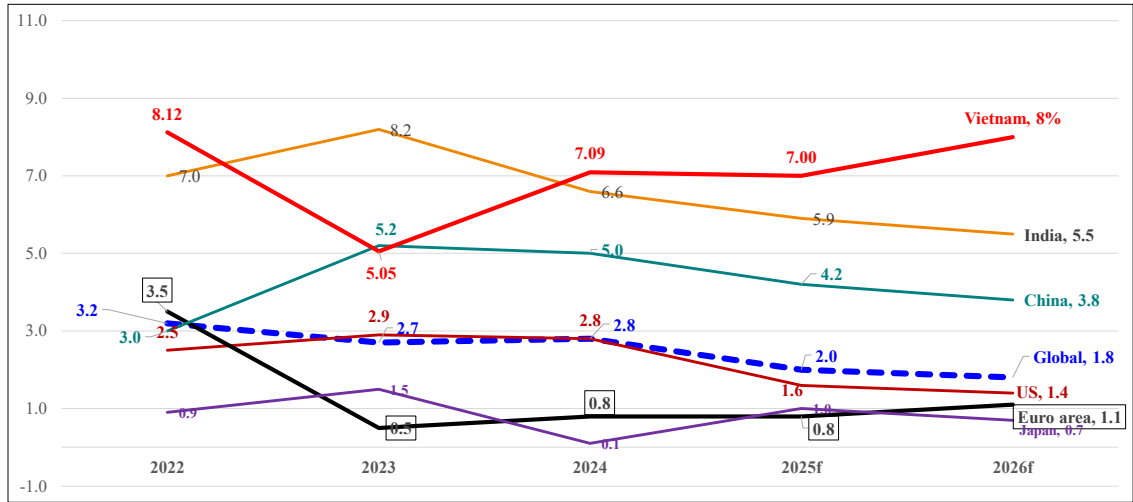
**TS. Cán Văn Lực**  
*Chia sẻ với Hội viên VCCA, CMA và CPA Việt Nam*

**Hà Nội, ngày 12/4/2025**

## **Nội dung trình bày**

- 1. Kinh tế thế giới và Việt Nam 2024, dự báo 2025-2026**
- 2. Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam**
- 3. Tác động của chính sách thuế quan của Mỹ đối với kinh tế thế giới và doanh nghiệp Việt Nam**
- 4. Giải pháp đối với doanh nghiệp.**

## H.1: Tăng trưởng kinh tế thế giới và các nước lớn 2024-2026f (% , YoY)



Nguồn: WB (1/2025), BIDV Research, the Conference Board (4/2025).

12/4/2025

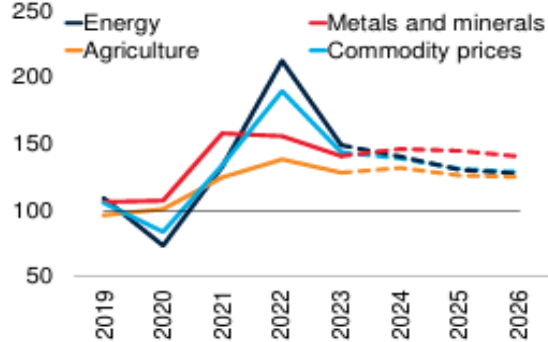
T.S.CV Lũu/Kte VN 2025-2026

3

## H.2: Lạm phát toàn cầu giảm với giá dầu và giá hàng hóa khá ổn định và giảm trong 2025-2026

### B. Commodity price projections

Index, 100 = 2015-19 average



Nguồn: WB 2025.



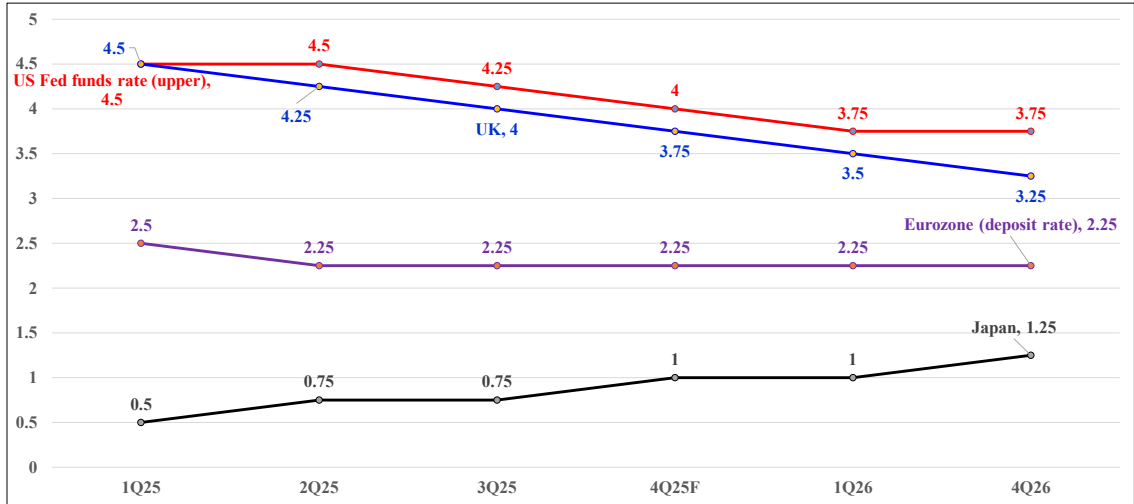
Nguồn: WB (1/2025), EIA (3/2025).

12/4/2025

T.S.CV Lũu/Kte VN 2025-2026

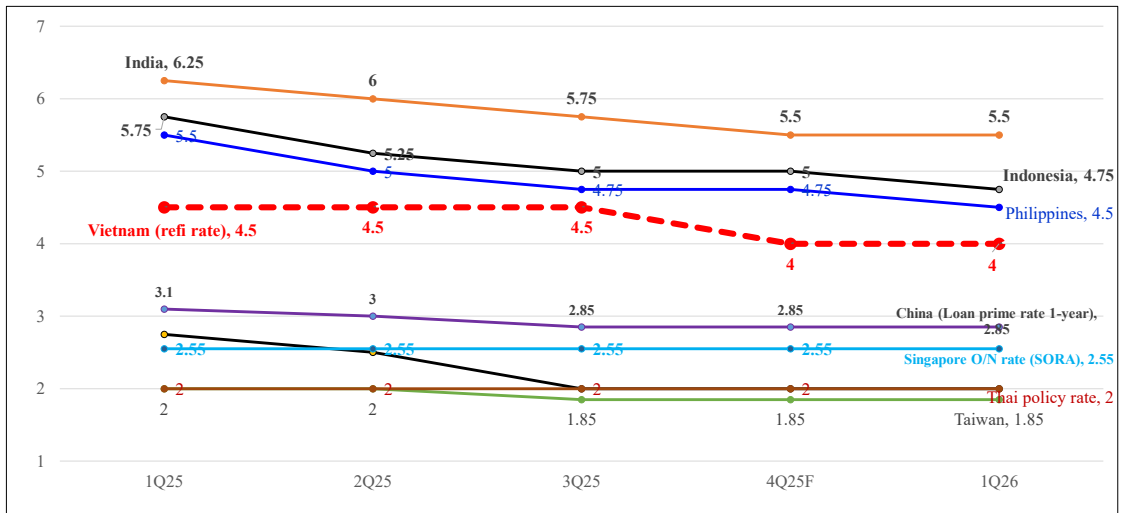
4

### H.3: Xu hướng lãi suất của các NHTW lớn năm 2024-2026f (%/năm)



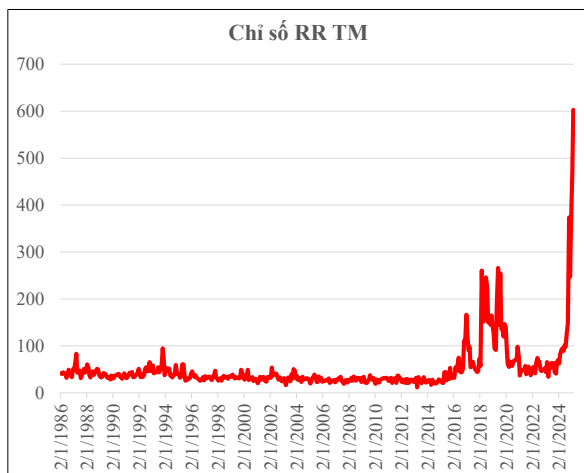
Nguồn: ING 3-2025.

### H.4: Xu hướng lãi suất của các NHTW Châu Á 2024-2026f (%/năm)



Nguồn: ING, NHNN, BIDV Research (3/2025).

## H.5: Rủi ro chính sách thương mại gia tăng, thương mại toàn cầu chậm lại



Source: <https://www.matteoiacoviello.com>

Table 1: Revisions in World Trade Projections

	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	Diff. from October 2024 report	
								2025	2026
World Trade Volume	-7.9	10.7	5.2	0.7	3.4	3.2	3.3	-0.2	-0.1
Advanced Economies	-8.8	9.9	6.1	0.0	2.2	2.1	2.5	-0.5	-0.3
Emerging Economies	-6.2	12.2	3.7	2.0	5.4	5.0	4.6	0.3	0.2

Nguồn: IMF (1/2025).

12/4/2025

TS.CV Lực/Kte VN 2025-2026

7

## Tóm tắt tình hình kinh tế thế giới 2024, dự báo 2025-2026

- **Kinh tế thế giới 2025-2026 tăng trưởng thấp hơn năm 2024 (+1,8 từ 2,7%%), thấp hơn nhiều mức 3% giai đoạn 2011-2019); lạm phát (CPI) tăng nhẹ (3,5%); thương mại toàn cầu tăng chậm lại (3% năm 2025-2026, theo IMF 1-2025, sẽ thấp hơn).**
- **Lãi suất giảm chậm; đầu tư (nhất là đầu tư công) toàn cầu cho CSHT và chuyển đổi xanh, công nghệ số (AI, bán dẫn...) tăng; đẩy mạnh cải cách trong nước.../.**
- **4 rủi ro, thách thức chính năm 2025-2026:**
  - **Xung đột địa chính trị phức tạp; chiến tranh thương mại – công nghệ, phân mảnh và bảo hộ thương mại gia tăng;**
  - **Lạm phát và lãi suất dù giảm nhưng còn cao; rủi ro nợ công và nợ tư vẫn cao;**
  - **Rủi ro suy thoái kinh tế ở Mỹ, tăng trưởng thấp ở 1 số nước (Trung Quốc, EU, Nhật Bản...), kéo theo tăng trưởng toàn cầu năm 2025-2026 ở thấp;**
  - **Rủi ro an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh chuỗi cung ứng và an ninh mạng luôn hiện hữu; biến đổi khí hậu bất thường.**

12/4/2025

TS.CV Lực/Kte VN 2025-2026

8

## 2. Kinh tế Việt Nam 2025-2026

Bảng 1: Tăng trưởng kinh tế và lạm phát của VN so với khu vực 2025-2026f (% yoy)

### Tăng trưởng GDP (% YoY)

### Lạm phát (CPI bình quân; % YoY)

	2021	2022	2023	2024e	2025f	2026f		2021	2022	2023	2024e	2025f	2026f
<b>Developing Asia</b>	<b>7.4</b>	<b>4.3</b>	<b>5.5</b>	<b>5.0</b>	<b>4.9</b>	<b>4.7</b>		<b>2.6</b>	<b>4.4</b>	<b>3.4</b>	<b>2.6</b>	<b>2.3</b>	<b>2.2</b>
China	8.4	3.0	5.2	5	4.7	4.3		0.9	2.0	0.2	0.2	0.4	0.7
Korea Rep.	4.6	2.7	1.4	2.0	1.5	1.9		2.5	5.1	3.6	2.3	1.9	1.9
Taiwan	6.6	2.6	1.3	4.3	3	2.4		2.0	2.9	2.5	2.2	2.1	2.2
India	9.7	7.0	9.2	6.4	6.7	6.8		5.5	6.7	5.4	4.7	4.3	4.0
Cambodia	3.1	5.1	5.0	6.0	6.1	6.2		2.9	5.3	2.1	0.8	3.7	2.4
Indonesia	3.7	5.3	5.0	5.0	5.0	5.1		1.6	4.1	3.7	2.3	2.0	2.0
Lao PDR	2.3	2.5	3.7	4.0	3.9	4.0		3.8	23.0	31.2	23.3	13.5	10.4
Malaysia	3.3	8.7	3.6	5.1	4.9	4.8		2.5	3.3	2.5	1.8	2.5	2.5
Myanmar	-5.9	2.0	0.8	-0.7	1.1	1.6		3.7	27.2	27.5	27.8	29.3	20.0
Philippines	5.7	7.6	5.5	5.6	6.0	6.1		3.9	5.8	6.0	3.2	3.0	3.0
Singapore	9.7	3.8	1.8	4.4	2.6	2.4		2.3	6.1	4.8	2.4	2.0	1.7
Thailand	1.6	2.5	1.9	2.5	2.8	2.9		1.2	6.1	1.2	0.4	1.0	1.1
<b>Viet Nam</b>	<b>2.6</b>	<b>8.12</b>	<b>5.1</b>	<b>7.09</b>	<b>6.5-7</b>	<b>7.5-8</b>		<b>1.8</b>	<b>3.2</b>	<b>3.3</b>	<b>3.63</b>	<b>4-4.5</b>	<b>4-4.5</b>

Nguồn: ADB (4/2025), BIDV Research.

12/4/2025

T5.CV.Luc/Kh.VN.2025-2026

1

Bảng 2: Kinh tế Việt Nam Q1/2025 và dự báo cả năm 2025 (% yoy)

Các chỉ tiêu	Q1/2023	Q1/2024	Q1/2025	DB 6T/2025	DB 2025
Tăng trưởng GDP (% yoy)	3,46	5,98	6,93	6,7-6,9	6,5-7,0
CPI bình quân (% yoy)	4,18	3,77	3,22	3-3,5	4-4,5
Chỉ số SXCN - IIP (% yoy)	-2,6	5,9	7,8	7-9	7-9
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đ)	1,432,4 (+14,8%)	1,555,0 (+8,6%)	1,708,3 (+9,9%)	3.200-3.300 (+7-9%)	6.800-7.000 (+7-9%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	79,6 (-11,6%)	92,9 (+16,8%)	102,8 (10,6%)	205-209 (+8-10%)	430-438 (+6-8%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	74,6 (-15,4%)	85,1 (+14%)	99,7 (17,2%)	196-200 (+10-12%)	411-419 (+8-10%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	4,9	7,9	3,2	6 - 10	16 - 20
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	5,45 (-38,8%)	8,15 (+49,5%)	10,98(+34,7%)	16-18 (+10-15%)	38-40 (+3-5%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	4,32 (-2,2%)	4,63 (+7,2%)	4,96 (+7,2%)	9,5-11 (+6-8%)	26-27 (+6-8%)
Tăng trưởng tín dụng (% so với đầu năm)	2,56	1,42	2,5 (25/3)	6-7	14 - 15
Biến động tỷ giá (USD/VND so với đầu năm, %)	0,7	-2,15	-2,17 (9/4)	-2-2,5	-3-4

Nguồn: TCTK, BIDV Research.

12/4/2025

T5.CV.Luc/Kh.VN.2025-2026

10

## Điểm sáng kinh tế Việt Nam Q1/2025 và dự báo 2025-2026

- **Các động lực tăng trưởng phục hồi khá đồng đều:**
  - Cầu tiêu dùng phục hồi, xuất khẩu tăng khá, nhưng sẽ thấp hơn năm 2024;
  - Đầu tư tư nhân phục hồi dù còn chậm, FDI tăng khá, kiều hối tăng tích cực; quy hoạch, đầu tư công được thúc đẩy; dịch vụ (nhất là du lịch, lưu trú – ăn uống, logistics, tài chính – ngân hàng...) tăng khá;
- **Nền tảng vĩ mô và quản trị rủi ro được tích lũy tốt lên; rủi ro tài khóa (thâm hụt NS, nợ công, nợ nước ngoài, nghĩa vụ trả nợ của CP...) ở mức trung bình, dư địa chính sách tài khóa vẫn còn;**
- **Lạm phát tăng trong tầm kiểm soát; lãi suất duy trì ở mức thấp; tín dụng tăng khá; tỷ giá, nợ xấu tăng trong tầm kiểm soát; thị trường BDS dần phục hồi;**
- **Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng... được quan tâm đẩy mạnh**
- **Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh (nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ, Nhật Bản, Úc, Malaysia, Singapore...);**
- **Đột phá về thể chế, cách mạng về tinh gọn tổ chức – bộ máy** (sớm hiệu lực hóa các Luật đất đai, nhà ở, Kinh doanh BĐS; 1 luật sửa nhiều luật; các nghị quyết cho cơ chế đặc thù...); → **hoạt động DN trở nên thuận lợi hơn, lành mạnh, bền vững hơn.**

13/4/2025

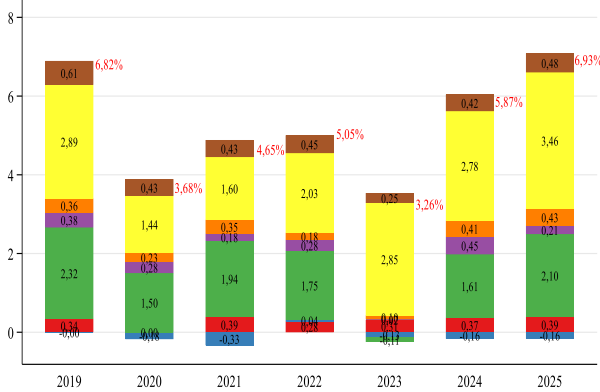
T.S. CV Lưu/Kho VN 2025-2026

11

## H.6: Tăng trưởng GDP theo khu vực kinh tế Q1.2019-2025 (% , yoy)

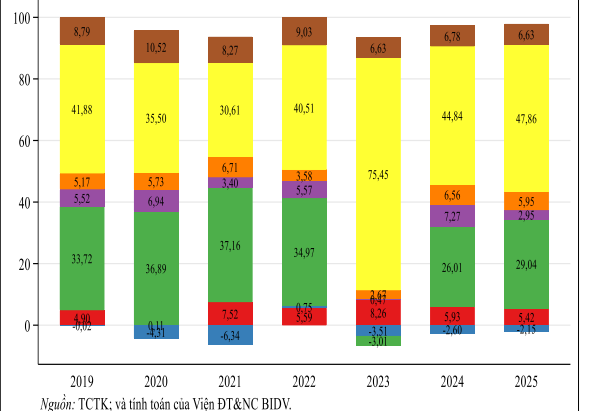
Đóng góp cho tăng trưởng GDP theo khu vực kinh tế Quý 1 các năm, 2019-2025 (điểm %)

■ Nông, lâm, thủy sản   
 ■ Khai khoáng   
 ■ CN chế biến, chế tạo   
 ■ Sản xuất điện, nước  
■ Xây dựng   
 ■ Dịch vụ   
 ■ Thuế sản phẩm



Tỷ trọng đóng góp cho tăng trưởng GDP theo khu vực kinh tế Quý 1 các năm, 2019-2025 (%)

■ Nông, lâm, thủy sản   
 ■ Khai khoáng   
 ■ CN chế biến, chế tạo   
 ■ Sản xuất điện, nước  
■ Xây dựng   
 ■ Dịch vụ   
 ■ Thuế sản phẩm

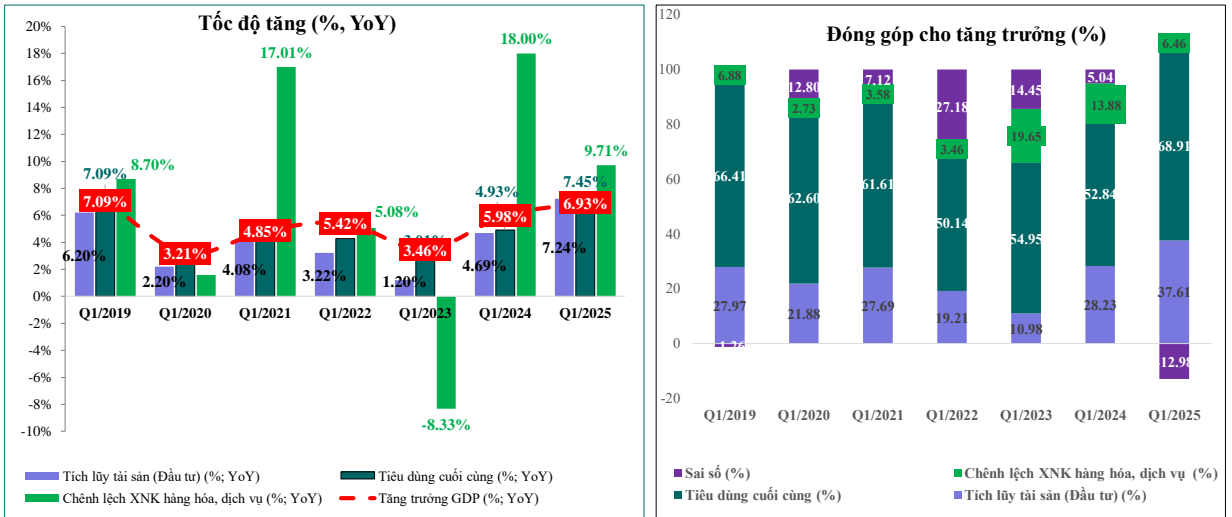


13/4/2025

T.S. CV Lưu/Kho VN 2025-2026

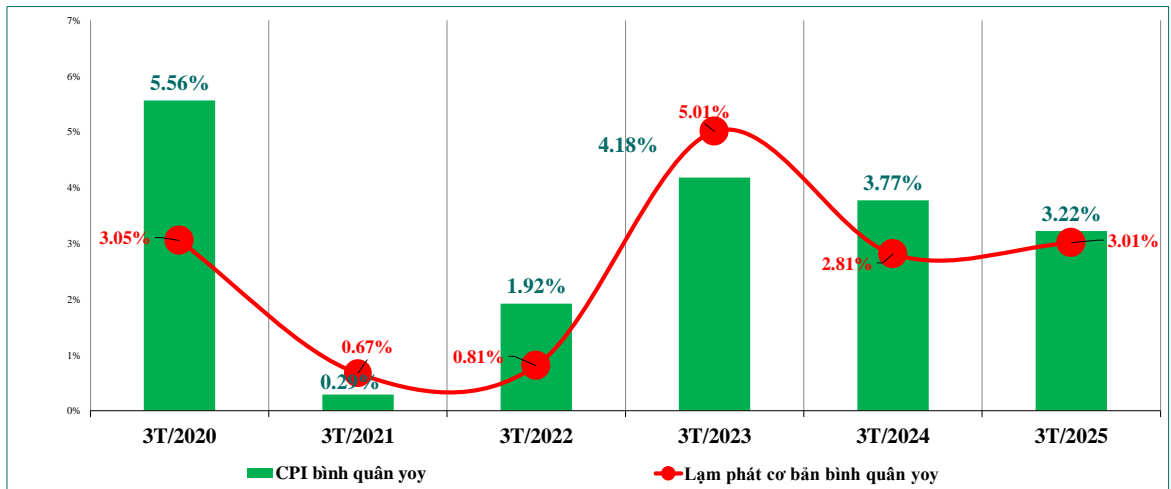
12

## H.7: Tăng trưởng GDP theo phương pháp chi tiêu Q1.2019-2025 (% , yoy)



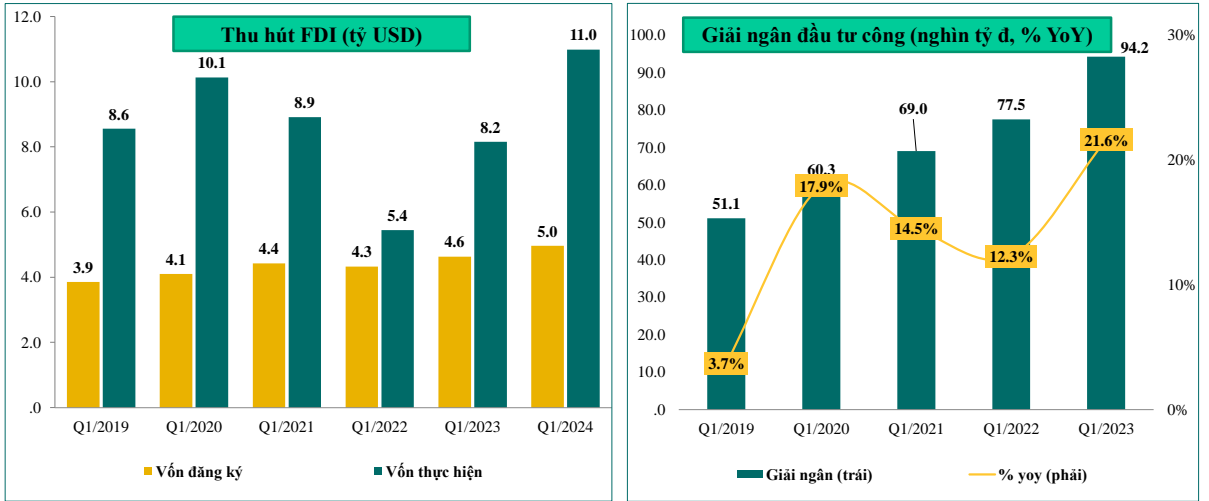
Nguồn: TCTK, BIDV Research.

## H.8: Lạm phát tăng trong tầm kiểm soát (% , yoy)



Nguồn: Cục TK, Viện ĐT& NC BIDV.

## H.9: FDI và đầu tư công quý 1/2025



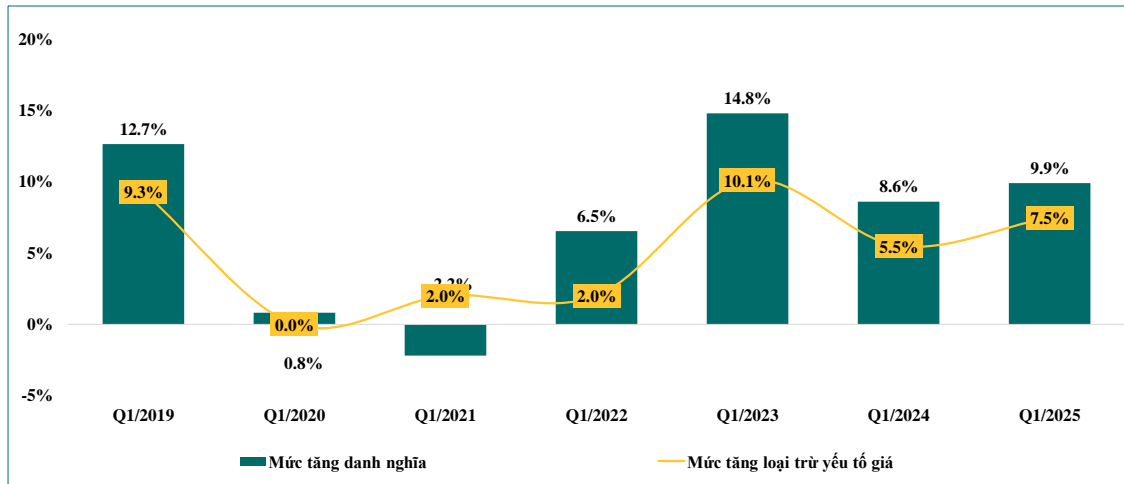
Nguồn: Cục TK, Viện ĐT& NC BIDV.

12/4/2025

TS.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

15

## H.10: Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (% so cùng kỳ)



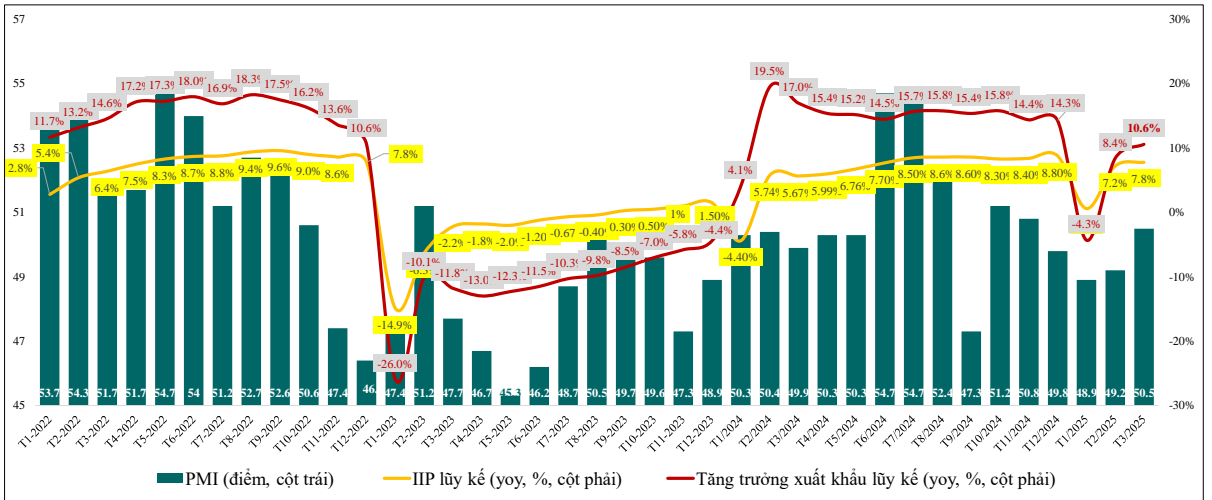
12/4/2025

TS.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

16

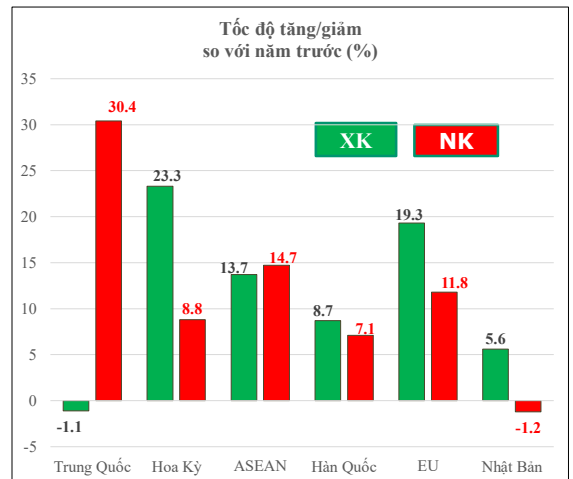
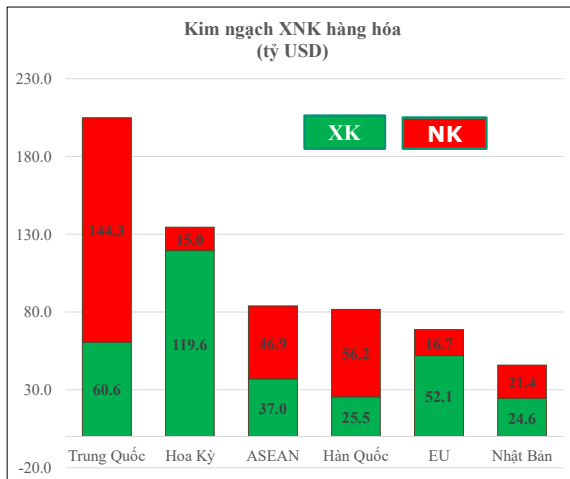


## H.11: Xuất khẩu hàng hóa và SXCN (2022 – 3/2025)



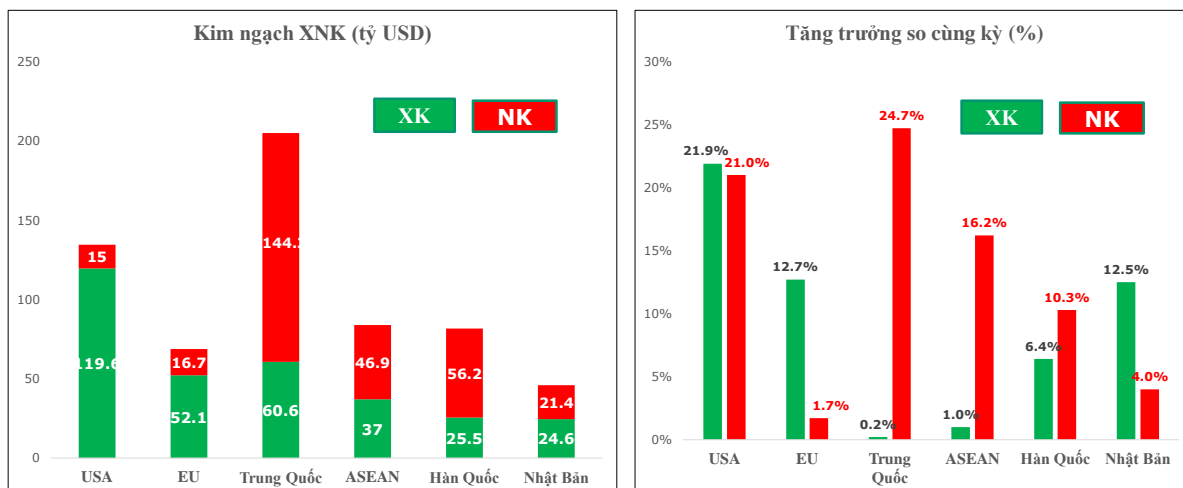
Nguồn: TCTK, Viện ĐT& NC BIDV. **Kim ngạch XK năm 2024 tăng 14,3%; NK tăng 16,7%.**

## H.12: XNK hàng hóa với các đối tác chính trong năm 2024



Nguồn: TCTK, Viện ĐT& NC BIDV.

## H.13: XNK hàng hóa với các đối tác chính 3T.2025



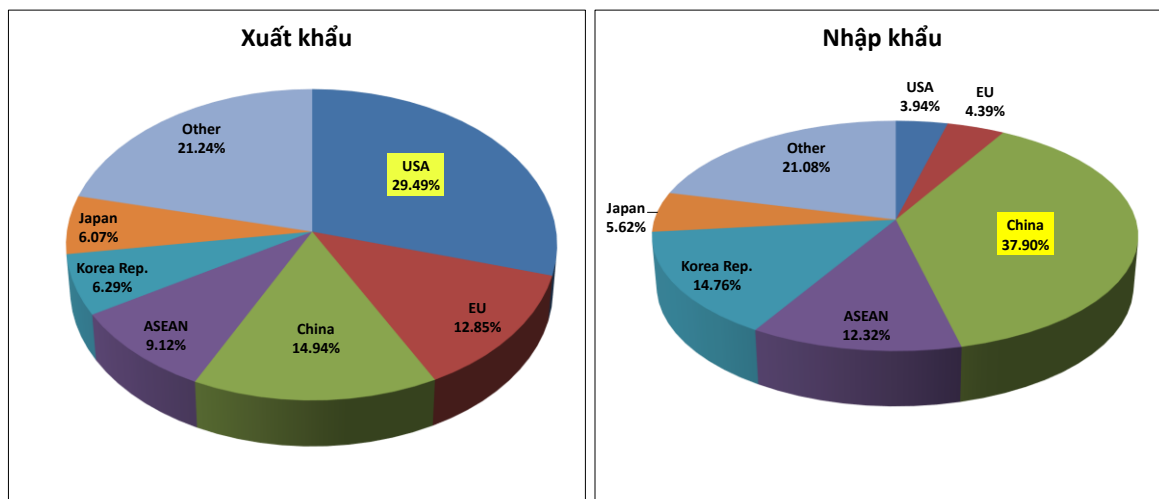
Nguồn: TCTK, Viện ĐT& NC BIDV.

12/4/2025

TS.CV Lươ/Kho VN 2025-2026

19

## H.14: Đối tác thương mại hàng hóa chính của VN 2024



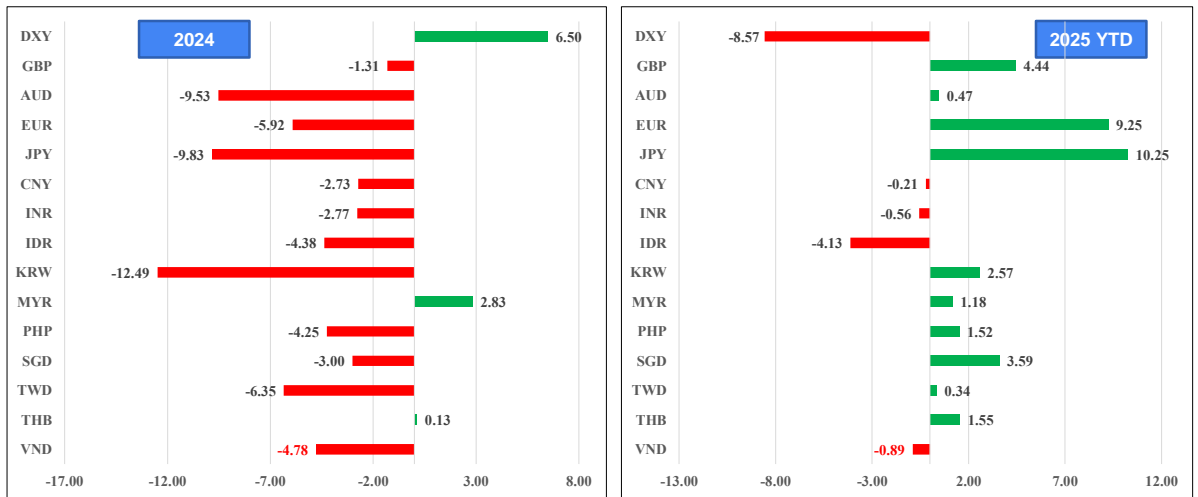
Nguồn: TCTK, BIDV Research.

12/4/2025

TS.CV Lươ/Kho VN 2025-2026

20

## H.15: Tỷ giá đồng nội tệ so với USD năm 2024–2025 YTD (trừ DXY, %)



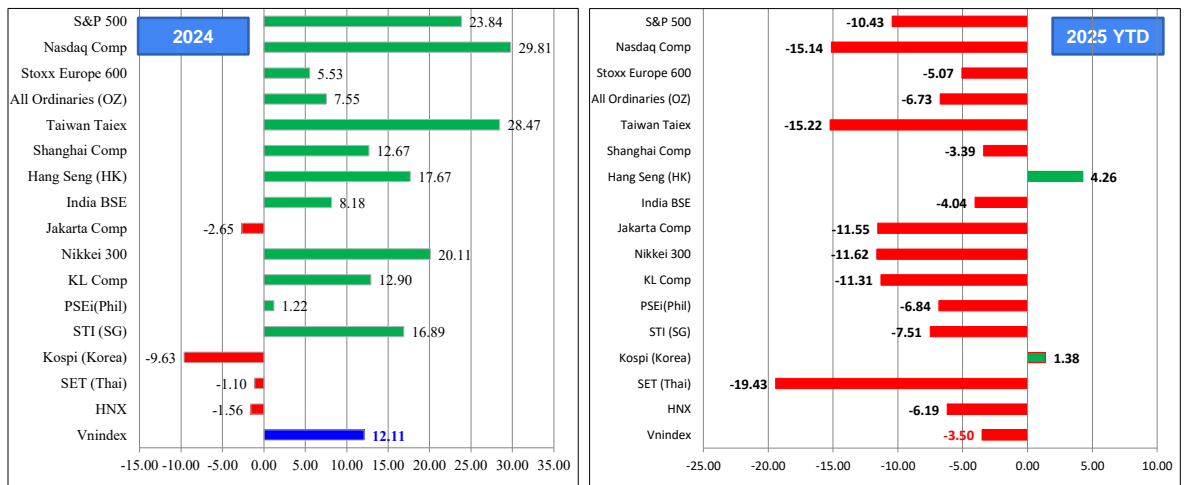
Nguồn: Bloomberg, BIDV Research.

12/4/2025

TS.CV.Luc/Kho.VN.2025-2026

21

## H.16: Chỉ số TTCK năm 2024 – 2025 YTD (%)



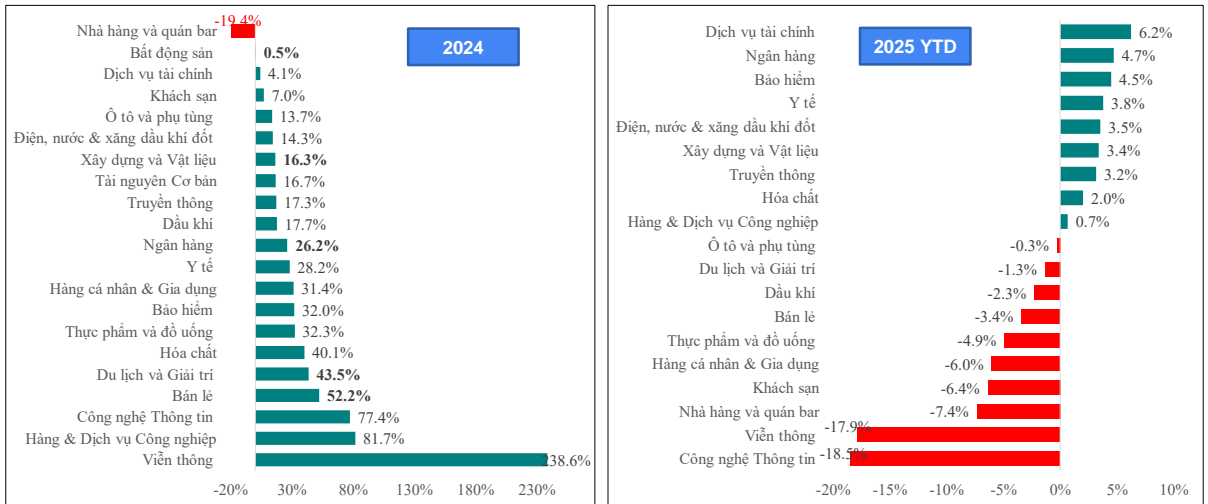
Nguồn: WSJ. Năm 2022: VNIndex giảm 32,8%; 2023: tăng 12,2%.

12/4/2025

TS.CV.Luc/Kho.VN.2025-2026

22

## H.17: Thay đổi giá cổ phiếu theo ngành nghề 2024 – 3T.2025



Nguồn: Bloomberg, BSC, Viện ĐTNC BIDV.

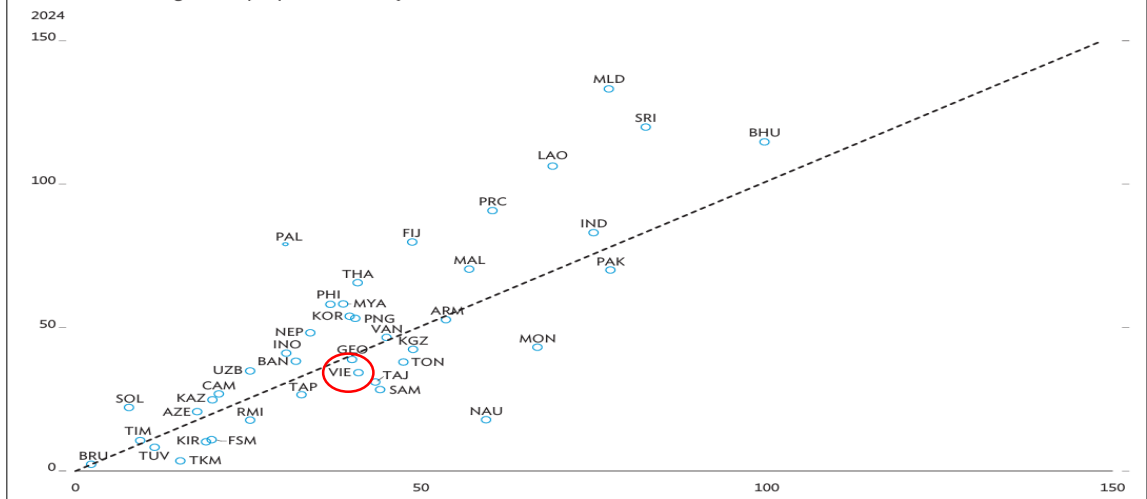
12/4/2025

T5.CV.Luc/Kho.VN.2025-2026

23

Figure 1.1.18 Public Debt-to-GDP Ratio, 2019 Versus 2024

Public debt is still higher than pre-pandemic levels for most economies.



Nguồn: ADB 4-2025.

12/4/2025

T5.CV.Luc/Kho.VN.2025-2026

24

## Kinh tế Việt Nam 2025-2026: Rủi ro, thách thức chính

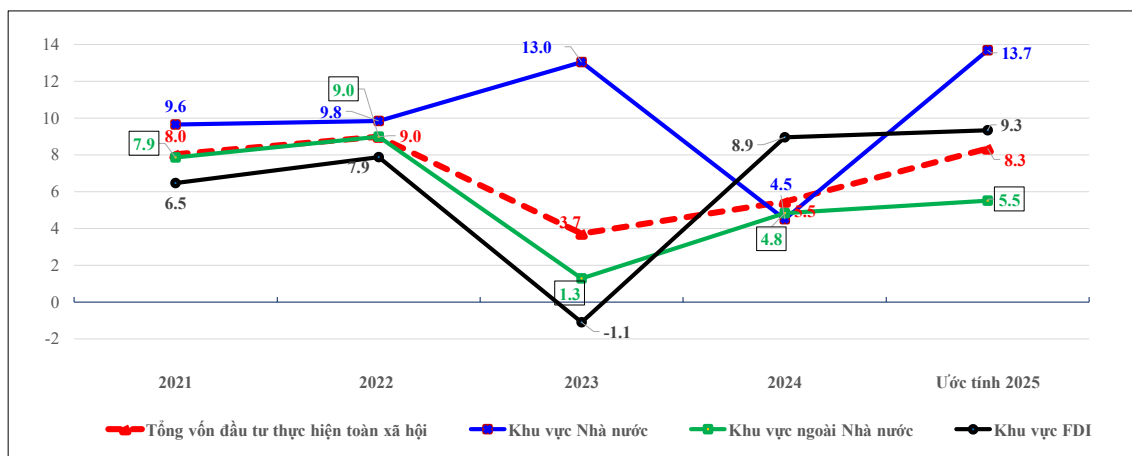
- **Rủi ro bên ngoài:** slide 8 (nhất là địa chính trị, **chiến tranh thương mại – công nghệ**, phân mảnh và bảo hộ thương mại, rủi ro an ninh mạng, biến đổi khí hậu...) → **XK, đầu tư và du lịch bị ảnh hưởng**;
- **Đầu tư tư nhân và tiêu dùng còn thấp so với trước dịch Covid-19, xuất khẩu có dấu hiệu chậm lại trong Q1.2025**
- Giải ngân đầu tư công còn chậm, không đồng đều (thường chưa đạt 95% kế hoạch);
- **Doanh nghiệp còn nhiều khó khăn (chiến tranh TM – công nghệ; chi phí đầu vào và logistics tăng/ở mức cao, đơn hàng thiếu bền vững và có dấu hiệu giảm; yêu cầu số hóa và xanh hóa ngày càng cao)**;
- Cơ cấu lại DNNN và các TCTD yếu kém còn chậm; tỷ giá, nợ xấu tăng (trong tầm kiểm soát);
- Rủi ro thị trường trái phiếu DN vẫn còn và **thị trường BĐS phục hồi chậm còn, giá cao**;
- Hướng dẫn các luật mới và xây dựng thể chế cho các lĩnh vực mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng..) còn chậm; cách mạng về tinh gọn tổ chức – bộ máy có những khó khăn nhất định.

12/4/2025

T5.CV.Luc/Kho.VN.2025-2026

25

### H.19: Tăng trưởng đầu tư theo khu vực (theo giá hiện hành, % so cùng kỳ)



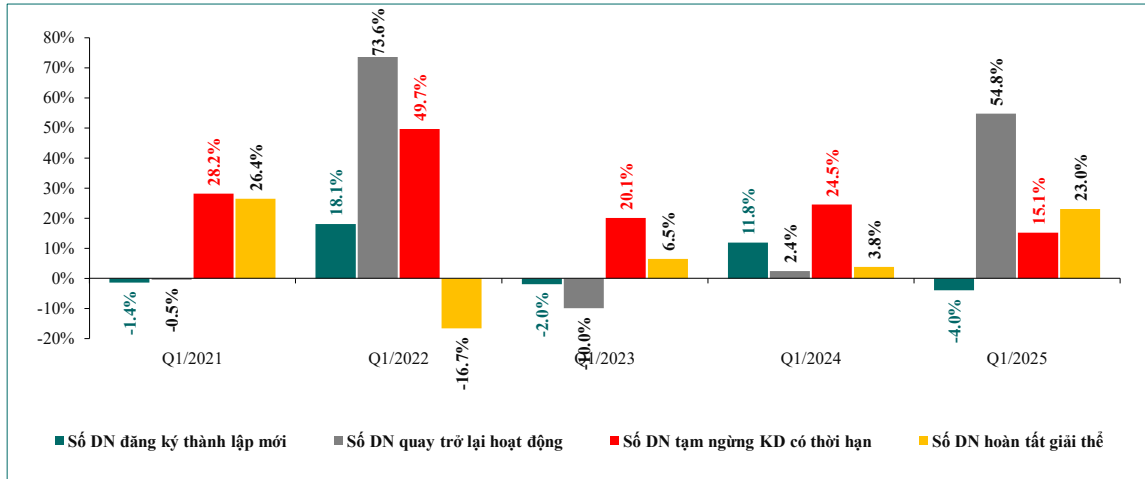
Nguồn: Cục TK, Viện ĐTNC BIDV.

12/4/2025

T5.CV.Luc/Kho.VN.2025-2026

26

## H.20: Tình hình doanh nghiệp quý 1/2021-2025 (% so cùng kỳ)



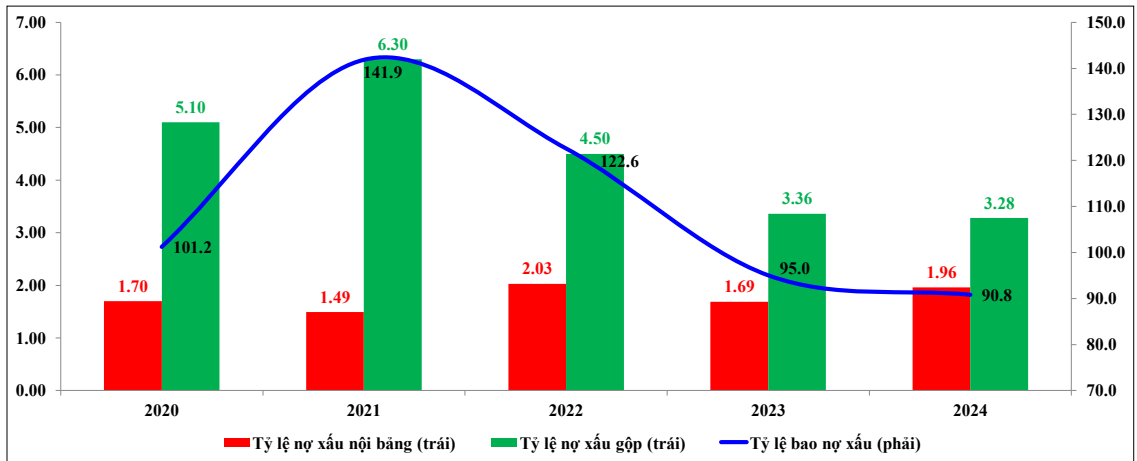
Nguồn: Cục TK, Viện ĐTNC BIDV.

12/4/2025

T5.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

27

## H.21: Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu của các TCTD 2020-2024 (% tổng dư nợ)



12/4/2025

T5.CV Lọc/Kho VN 2025-2026

28

### 3. Tác động của chính sách thuế quan của Mỹ

#### Bảng 3: Quyết sách thuế quan của TT Trump từ đầu 2025 - nay

Ngày	Chính sách thuế quan và khác	Ngày	Chính sách thuế quan và khác
1/2	Ký sắc áp thuế <b>25%</b> đối với hàng hóa nhập khẩu từ Mexico và Canada ( <b>10%</b> với năng lượng) (hiệu lực từ 4/3/2025); <b>10%</b> với tất cả hàng hóa NK từ Trung Quốc (hiệu lực từ 4/2/2025)	4/3	Thêm <b>10%</b> đối với hàng hóa NK từ Trung Quốc hiệu lực từ 4/3/2025; chính thức áp thuế đ/v Canada và Mehico
4/2	Trung Quốc áp thuế trả đũa lên 21,2 tỷ USD hàng hóa Mỹ ở mức <b>10-15%</b> , có hiệu lực từ ngày 10/2/2025.	6/3	<b>Miễn trừ áp thuế 25%</b> đối với hàng hóa NK từ Canada và Mehico đáp ứng Hiệp định USMCA.
10/2	Mỹ áp thuế lên <b>thép và nhôm</b> ở mức <b>25%</b> từ ngày 12/2/2025	13/3	TT Trump <b>dọa đánh thuế 200%</b> đối với rượu vang, Sâm – banh, và rượu mạnh khác từ EU...v.v.
13/2	Có thể <b>áp thuế đối ứng</b> đối với các nước từ 3/4/2025	24/3	Sẽ áp thuế <b>25%</b> đối với quốc gia nhập khẩu dầu khí từ Venezuela.
18/2	TT Trump tuyên bố sẽ áp thuế <b>25%</b> lên ô tô, được phẩm và chất bán dẫn dự kiến từ 2/4/2025 ( <b>đã được loại trừ</b> )	25/3	TT Trump ký sắc lệnh áp thuế <b>25%</b> đối với tất cả ô tô nhập từ 2/4 (Mexico, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada và Đức chịu ảnh hưởng nhiều).
21/2	TT Trump ký Bản ghi nhớ về thúc đẩy đầu tư nước ngoài, hạn chế đầu tư của Trung Quốc vào các lĩnh vực chiến lược của Mỹ.	2/4	TT Trump ký sắc lệnh áp thuế đối ứng gồm 2 nhóm: (i) <b>mức thuế 10% lên toàn bộ</b> hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ (hiệu lực từ ngày 5/4/2025); (ii) <b>áp thuế đối ứng từ 11-50%</b> đối với 59 quốc gia và lãnh thổ xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ, hiệu lực từ ngày 9/4/2025
25/2	TT Trump yêu cầu Bộ TM Mỹ điều tra việc nhập khẩu <b>đồng</b> có nguy cơ an ninh quốc gia?	10/4	TT Trump áp thuế <b>125%</b> ( <b>145%</b> nếu tính cả <b>20%</b> hiện tại) đối với hàng hóa từ TQ, tạm hoãn 90 ngày đối với các nước khác để đàm phán.
1/3	TT Trump yêu cầu Bộ TM Mỹ điều tra việc nhập khẩu <b>gỗ và ván ép</b> có nguy cơ an ninh quốc gia?	11/4	TQ đáp trả bằng áp thuế <b>125%</b> đối với hàng nhập từ Mỹ (hiệu lực 12/4).

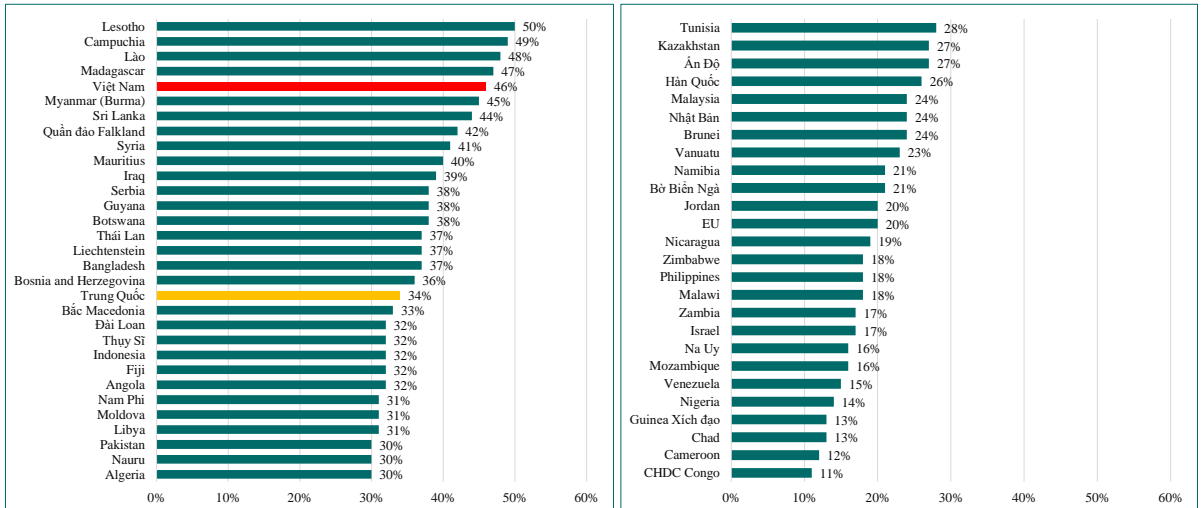
Nguồn: Nhà Trắng, Tác giả thu thập.

12/4/2025

TS.CV Lọc/Kte VN 2025-2026

Nguồn: BIDV Research.

### H.22: Mức thuế đối ứng Mỹ dự kiến áp dụng đối với 59 nước (từ ngày 9/4/2025 – đã hoãn 90 ngày để đàm phán)



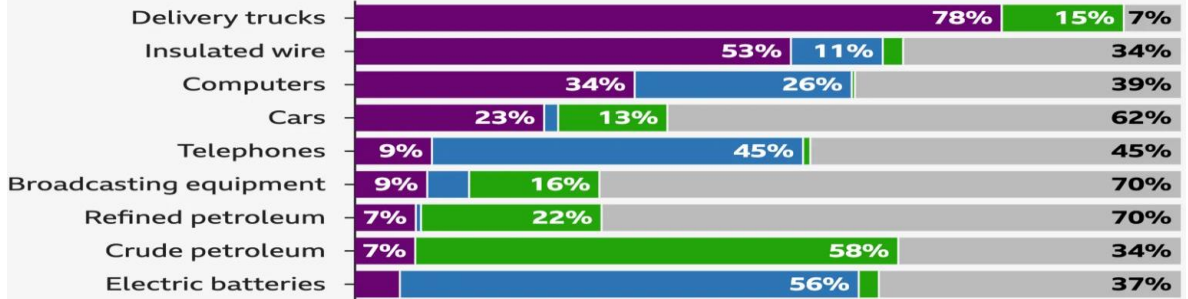
12/4/2025

## H.23: Hàng hóa bị ảnh hưởng bởi việc áp thuế của Mỹ

### Trump's tariffs: Which products will be affected?

Key items imported to the US from Mexico, China and Canada in 2024

■ Mexico ■ China ■ Canada ■ Others

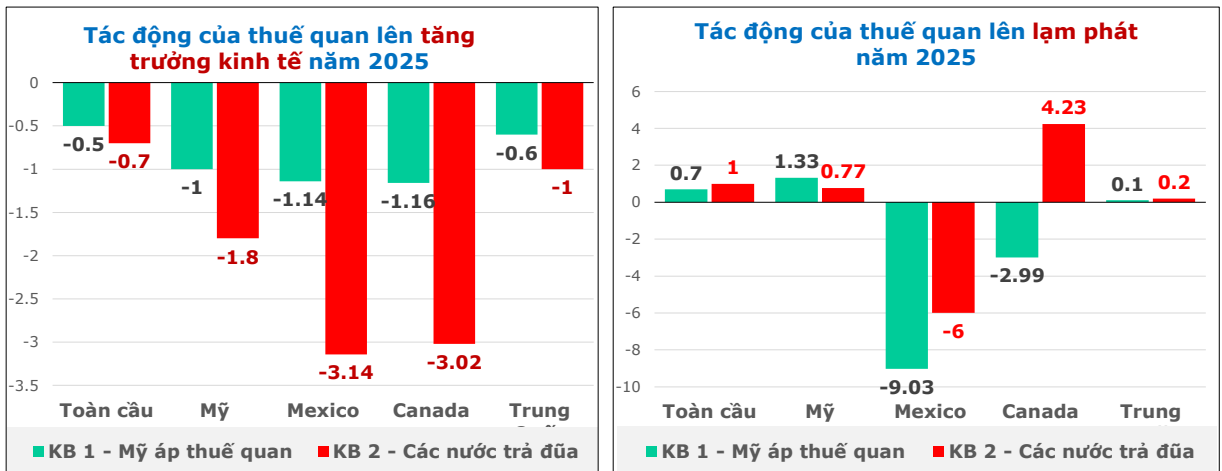


Source: US Census Bureau • BBC calculations based on item's customs value in US\$  
2024 data through November

B B C

12/4/2025

## H.24: Dự báo tác động của chính sách thuế của Mỹ đối với tăng trưởng và lạm phát toàn cầu (điểm %)



Nguồn: BIDV Research tổng hợp. Những tác động khác như nêu tại Bảng 4.

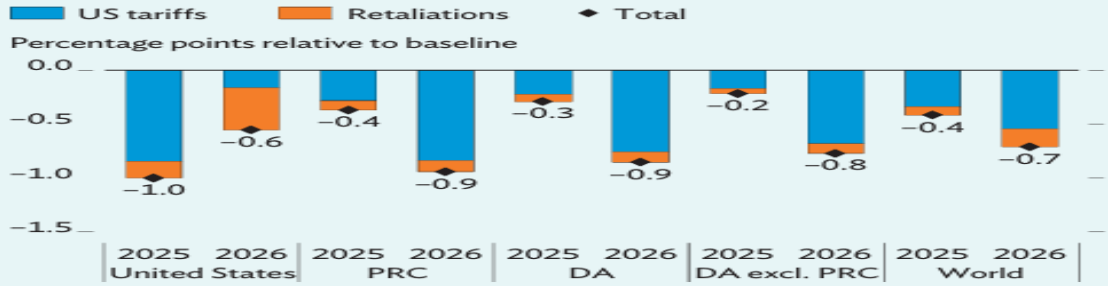
12/4/2025



## H.25: Mỹ sẽ chịu tác động tiêu cực khá nhiều (điểm %)

### 2 Estimated Impacts of US Reciprocal Tariffs on GDP Growth

The US economy is hit hardest, while the impact on the rest of the world is stronger in 2026.



PRC = People's Republic of China, DA = developing Asia, US = United States.

Note: The blue and orange bars represent the impact of US tariffs and retaliatory tariffs, respectively.

Source: Asian Development Bank calculations based on the Oxford Economics Global Economic Model.

12/4/2025

## H.26: TTCK Mỹ cũng chịu ảnh hưởng nhiều (chỉ số S & P 500)

### Increased Equity Market Sensitivity to Rapid-Fire Tariff Headlines



12/4/2025

T5.CV.Luc/Kh.VN.2025-2026

34

## Bảng 4: Tóm tắt tác động của các chính sách đối ngoại, kinh tế của TT D. Trump đối với nền kinh tế Việt Nam

Tích cực	Tiêu cực
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách giảm thuế và tăng đầu tư hạ tầng, năng lượng, quân sự... → kích cầu đầu tư, tiêu dùng Mỹ → tăng nhu cầu hàng hóa, dịch vụ XK từ VN;</li> <li>- Chiến tranh thương mại – công nghệ gia tăng → tiếp tục xu hướng dịch chuyển 1 phần dòng vốn đầu tư, chuỗi cung ứng (Việt Nam có lợi thế thu hút);</li> <li>- Nói lỏng xuất khẩu sản phẩm dầu khí, LNG, yêu cầu về xanh hóa.../. → VN có thể nhập khẩu LNG, DN Việt có lộ trình đáp ứng yêu cầu xanh hóa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiến tranh thương mại – công nghệ, làm tăng lạm phát Mỹ và toàn cầu, khiến Fed và NHTW các nước trì hoãn giảm lãi suất → tăng áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá và dịch chuyển vốn đầu tư gián tiếp tại các nước mới nổi (có VN);</li> <li>- Tăng bảo hộ thương mại, áp thuế quan, điều tra, kiện bán phá giá, xuất xứ, trung chuyển... → tác động tiêu cực đến ngoại thương toàn cầu và Việt Nam;</li> <li>- Rủi ro bị gán mác “thao túng tiền tệ” tăng, chịu áp lực giải trình, thay đổi chính sách và bị áp thuế cao hơn...v.v.</li> <li>- Kiểm soát nhập cư → tác động đến du lịch, du học của Việt Nam.</li> </ul>

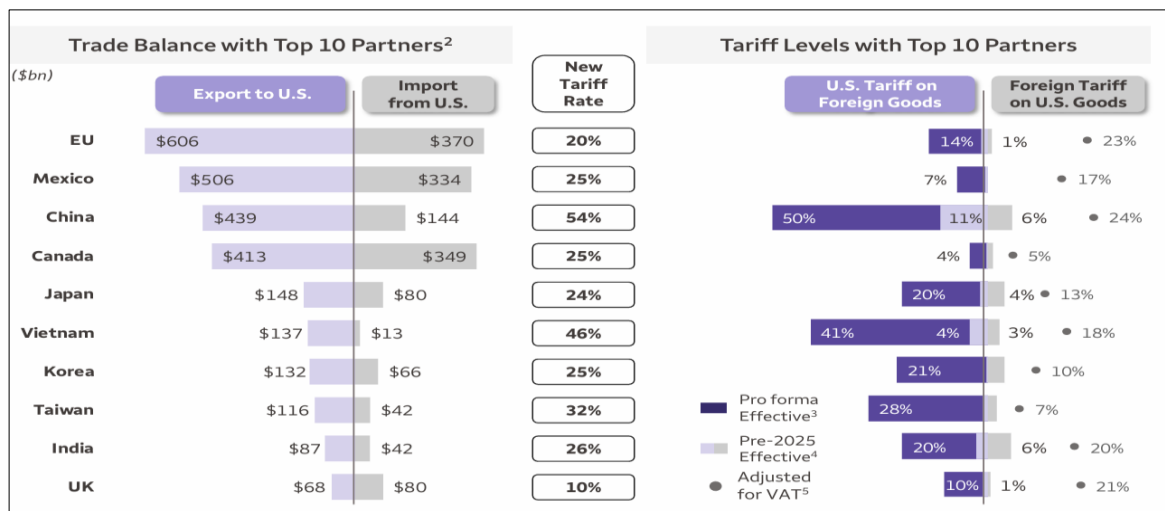
Nguồn: BIDV Research.

12/4/2025

TS.CV Lược/Kte VN 2025-2026

35

## H.27: Rủi ro bị áp thuế là khá cao đối với Việt Nam



Nguồn: Wells Fargo 4-2025.

12/4/2025

TS.CV Lược/Kte VN 2025-2026

36

## Tác động đối với Việt Nam trong thương mại, đầu tư

### • Cơ hội:

- ✓ Có thể mở rộng xuất khẩu sang Mỹ hay các nền kinh tế khác khi họ tìm nguồn thay thế?;
- ✓ Có 1 số cơ hội từ xu hướng dịch chuyển đầu tư, chuỗi cung ứng (**phụ thuộc vào mức thuế đối ứng đối với Việt Nam**)
- ✓ DN phải đa dạng hóa, tăng nội lực và đáp ứng các tiêu chuẩn mới → tăng sức chống chịu, tự cường.

### • Thách thức:

- ✓ **Xuất khẩu có thể giảm** do nhu cầu yếu đi; FDI (kể cả từ Mỹ) bị ảnh hưởng vì tâm lý nhà đầu tư, rủi ro chính sách toàn cầu và chính sách khuyến khích sản xuất tại Mỹ;
- ✓ Xu hướng tăng bảo hộ thương mại, kiểm soát XK và điều tra (trốn thuế, nguồn gốc xuất xứ, trung chuyển...)  
→ **rủi ro bị áp thuế đối ứng và hạn chế xuất khẩu công nghệ cao...!**
- ✓ **Cạnh tranh với hàng hóa từ các nước khác xuất khẩu sang VN (do thừa cung, nhất là từ TQ);**
- ✓ Chi phí logistics, rủi ro lãi suất và tỷ giá tăng...v.v.
- ✓ **Kịch bản cơ sở: Mỹ áp thuế đối ứng (giả sử bình quân khoảng 25%)** lên hàng hóa Việt Nam XK sang Mỹ, ước tính giá trị phải trả thêm khoảng **55 tỷ USD/năm**; nếu Việt Nam giảm thuế (**xuống 0%**) cho hàng Mỹ, tổn thất giảm thu thuế ước tính vào khoảng **1,2 tỷ USD**.

TS.CV Lực/Kte VN 2025-2026

12/4/2025

37

### Bảng 5: Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam với chính sách thuế quan mới của Mỹ

CHỈ TIÊU	KB1 (cơ sở)	KB2 (tiêu cực)	KB3 (tích cực, phân đầu)
Xác suất xảy ra	60%	20%	20%
Giả định	Việt Nam đàm phán với Mỹ để giảm mức thuế đối ứng xuống khoảng 25% (so với mức 46% ban đầu), <b>hiệu lực lùi 90 ngày từ 9/4/2025</b>	Mỹ áp mức thuế 46% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, không thay đổi, từ ngày 9/7/2025	Việt Nam chỉ bị áp thuế 10% đối với hàng hóa xuất khẩu vào Mỹ, tương tự như 126 nước khác
Xuất khẩu	Giảm 10-14 tỷ USD (hay 3-4,5%) so với KB thông thường	Giảm 26-28 tỷ USD (hay 6-7%) so với KB thông thường	Ảnh hưởng không đáng kể
Vốn FDI thực hiện	Giảm 3-4,5%	Giảm 6-8%	Ảnh hưởng không đáng kể
Tăng trưởng GDP	6,5 - 7%	5,5 - 6%	~7,5 - 8%
Lạm phát (CPI bq)	4,2 - 4,5%	4,5 - 5%	4 - 4,2%

Nguồn: Dự báo của BIDV Research.

12/4/2025

TS.CV Lực/Thuế quan Mỹ và DN

38

**Bảng 6: Tác động đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào Mỹ (số liệu năm 2024; kịch bản cơ sở - thuế đối ứng 25%)**

Hàng hóa	Kim ngạch XK (tỷ USD)	Tỷ trọng/ tổng XK sang Mỹ (%)	Tăng trưởng 2024/2023 (% YoY)	Thuế suất TB của Mỹ trước 2/4/2025 (%)	Dự báo tác động của thuế đối ứng với xuất khẩu ngành (tỷ USD) (% KNXX ngành) 2025 – KB cơ sở thuế 25%
<b>Tổng kim ngạch hàng hóa VN XK sang Mỹ 2024</b>	<b>119,50</b>		<b>23,18</b>	<b>3,3%</b>	
<b>Tổng kim ngạch XK hàng chủ lực của VN sang Mỹ 2024</b>	<b>101,19</b>	<b>88,7%</b>			Giảm 9–11 tỷ USD so với KB thông thường
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	23,20	19,42	36,33	1,51	Giảm 2 tỷ USD (-1,7%)
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	22,05	18,45	21,16	1,41	Giảm 1,3 tỷ USD (-3%)
Hàng dệt, may	16,15	13,52	11,66	9,80	Giảm 1,54 tỷ USD (-2,7%)
Điện thoại các loại và linh kiện	9,82	8,22	24,28	1,51	Chịu tác động cùng nhóm hàng máy vi tính (-1,7%)
Gỗ và sản phẩm gỗ	9,06	7,58	23,98	2,32	Giảm 0,53 tỷ USD (-3,9%)
Giày dép các loại	8,28	6,93	15,67	15,51	Chịu tác động cùng nhóm hàng dệt may (-2,7%)
Phương tiện VT & phụ tùng	3,27	2,74	13,56	3,10	Giảm 0,2 tỷ USD (-1,4%)
Sản phẩm từ chất dẻo	3,08	2,58	42,43	4,56	Giảm 0,2 tỷ USD (3,5%)
Hàng thủy sản	1,83	1,53	17,60	0,69	Giảm 0,2–0,25 tỷ USD (11-13%)
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	1,80	1,51	17,59	4,85	Chịu tác động cùng nhóm hàng dệt may (-2,7%)
Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	2,65	2,22	31,86	25	Tác động tiêu cực nhưng không nhiều do đã chịu mức thuế quan cao.

Nguồn: Cục Hải quan, World Bank, dự báo của BIDV Research.

12/4/2025

## 4. Gợi ý giải pháp đối với Chính phủ và doanh nghiệp

### 1. Đối với Chính phủ, cơ quan quản lý:

- ✓ Kiên định, chú trọng hơn nữa các biện pháp thúc đẩy quan hệ hợp tác cùng có lợi với Mỹ; tăng cường **đối thoại, đàm phán** qua các kênh;
- ✓ **Sớm triển khai các giải pháp cụ thể nhằm cân bằng thương mại hơn với Mỹ:** (i) tăng nhập khẩu từ Mỹ; (ii) tiếp tục giảm thuế đối ứng đối với hàng NK từ Mỹ....;
- ✓ **Chủ động sớm giải quyết kịp thời, hợp lý các quan ngại, vướng mắc mà phía Mỹ đang quan tâm.**
- ✓ **Có phương án đàm phán hiệu quả**, với những cam kết, giải pháp và lộ trình cụ thể để **đạt được kịch bản thuế suất thấp hơn (25%?)** -> vai trò của **Tổ công tác là quan trọng!** Thực hiện đúng các cam kết đã thỏa thuận;
- ✓ **Có chính sách hỗ trợ DN, ngành hàng bị ảnh hưởng tiêu cực từ chính sách thuế quan mới của Mỹ; kích cầu đầu tư – tiêu dùng trong nước; giữ mặt trận xuất khẩu;**
- ✓ **Cơ cấu lại nền kinh tế, tăng nội lực, tính tự chủ, tự lực, tự cường; tập trung vào các động lực tăng trưởng khác (đầu tư, tiêu dùng...) và các động lực tăng trưởng mới;**
- ✓ Quyết tâm, kiên định **thực hiện thành công** công cuộc “đột phá về thể chế, Tinh gọn tổ chức – bộ máy, điều chỉnh địa giới hành chính mô hình 3 cấp; quyết liệt cải thiện môi trường đầu tư – kinh doanh”.

12/4/2025

TS.CV Lực/Kte VN 2025-2026

40

## Giải pháp đối với doanh nghiệp

- Tận dụng tốt các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lãi suất...; tiết giảm chi phí, tinh giản quy trình, bộ máy;
- Nắm bắt các xu hướng lớn: chuyển đổi kép “xanh hóa và số hóa” → xây dựng và nhất quán thực hiện chiến lược chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và ESG;
- Đa dạng hóa: thị trường, đối tác, chuỗi cung ứng, sản phẩm – dịch vụ, nguồn vốn khả thi cho chuyển đổi xanh, kinh doanh tuần hoàn, tham gia thị trường tín chỉ carbon;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh (nhân lực, công nghệ, quản trị), gồm cả quản lý rủi ro, nhất là rủi ro tài chính, tỷ giá, pháp lý; minh bạch xuất xứ hàng hóa, mức độ trung chuyển, gian lận thương mại; đáp ứng yêu cầu xanh hóa, tiêu chuẩn môi trường....v.v.
- Tận dụng cơ hội từ các FTA thế hệ mới và từ việc nâng cấp quan hệ Việt Nam với Mỹ, Nhật Bản, Úc, Malaysia, NZ, Singapore....;
- Slogan 2025 - 2026: “**Tâm thế mới, Vận hội mới**”?
- **Làm gì để đóng góp cho việc hiện thực hóa kỷ nguyên mới?**